

BẢN SAO

UBND HUYỆN VĂN CANH
UBND XÃ/THỊ TRẤN.....
Số 32...../QCN-HN-HCN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....Cao.....Lưu....., ngày 01 tháng 01 năm 2022.....

GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ NGHÈO, HỘ CẬN NGHÈO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Tổ chức của Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Quyết định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo tiếp cận đa chiều áp dụng cho giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm trên địa bàn. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã/ thị trấn.....Cao.....Lưu..... chứng nhận:

Hộ gia đình ông/bà:.....Phạm Văn LEO.....Phạm Văn LEO.....Phạm Văn LEO..... Dân tộc:.....Bao.....

Số CCCD/CMND:..... Ngày cấp:.....

Nơi thường trú:.....Đường.....Đường.....Đường.....Đường.....Đường.....Đường.....

I. Danh sách các thành viên trong hộ gia đình:

STT	Họ và tên	Dân tộc	Quan hệ với chủ hộ	Năm sinh		Ghi chú (trường hợp gia đình có sự thay đổi các thành viên trong hộ)
				Nam	Nữ	
1	<u>Phạm Văn LEO</u>	<u>Bao</u>	<u>1</u>	<u>01/01/1984</u>		
2	<u>Phạm Văn LEO</u>	<u>"</u>	<u>3</u>	<u>01/01/1986</u>		
3	<u>Phạm Văn LEO</u>	<u>"</u>	<u>3</u>		<u>01/01/1987</u>	
4	<u>Phạm Văn LEO</u>	<u>"</u>	<u>4</u>	<u>16/02/2005</u>		
5	<u>Phạm Văn LEO</u>	<u>"</u>	<u>4</u>	<u>06/10/2005</u>		
6						
7						
8						
9						
10						



II. Kết quả phân loại hộ gia đình 2022 - 2025																																																	
NĂM 2022 ☐ N Các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN ☒ CN																																																	
<table border="1"> <tr> <td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td> </tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td></td> </tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12													2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12																																						
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12																																							
NĂM 20... ☐ N Các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN ☐ CN																																																	
<table border="1"> <tr> <td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td> </tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td></td> </tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12													2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12																																						
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12																																							
NĂM 20... ☐ N Các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN ☐ CN																																																	
<table border="1"> <tr> <td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td> </tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td></td> </tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12													2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12																																						
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12																																							
NĂM 20... ☐ N Các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN ☐ CN																																																	
<table border="1"> <tr> <td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td> </tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td>2</td><td>3</td><td>4</td><td>5</td><td>6</td><td>7</td><td>8</td><td>9</td><td>10</td><td>11</td><td>12</td><td></td> </tr> <tr> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </table>		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12													2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12													
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12																																						
2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12																																							

Ngày... tháng... năm 20...
 Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/thị trấn

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm 20...
 Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/thị trấn

(Ký tên, đóng dấu)

Ngày... tháng... năm 20...
 Xác nhận của Chủ tịch UBND xã/thị trấn

(Ký tên, đóng dấu)

Điền chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ gia đình N, CN. Các số từ 1-12 viết tắt về các chỉ số thiếu hụt tiếp cận dịch vụ xã hội cơ bản của hộ nghèo, cận nghèo, cư dân. 1. Việc làm; 2. Nguồn phụ thuộc trong hộ gia đình; 3. Dinh dưỡng; 4. Bảo hiểm y tế; 5. Trình độ giáo dục người làm; 6. Tình trạng đi học của trẻ em; 7. Chất lượng nhà ở; 8. Điện tích nhà ở bình quân đầu người; 9. Nguồn nước sinh hoạt; 10. Nhà vệ sinh hợp vệ sinh; 11. Sơ đồ định hướng; 12. Tài sản phục vụ tiếp cận thông tin.

1. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo được cấp cho hộ gia đình làm căn cứ xác định hộ gia đình và các thành viên trong hộ gia đình được hưởng các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, cận nghèo, cư dân. 2. Theo Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo hàng năm trên địa bàn, Chủ tịch UBND cấp xã lý do, đóng dấu công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo cho hộ gia đình vào 3 của năm làm sau thời điểm rà soát, làm cơ sở để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 3. Trường hợp hộ gia đình có thay đổi về thành viên thì gia đình phải báo cáo và thay đổi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 4. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo phải được báo cáo và thay đổi danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 5. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 6. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 7. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 8. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 9. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 10. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 11. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu. 12. Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo để cấp, báo cáo cấp xã lý do, đóng dấu vào danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã xem xét, bổ sung vào danh sách chính sách hộ nghèo, hộ cận nghèo để ngân sách trung ương các chính sách hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong năm tại 6 lý do, đóng dấu.

CHỨNG THỰC BẢN BAO ĐUNG VỚI BẢN CHÍNH
 Số CT.....1021.....Quyển Số:.....021.....
 Ngày.....01.....tháng.....11.....năm.....2022.....
 Chủ tịch UBND xã Canh Liên
 KT. CHỦ TỊCH
 TH. CHỦ TỊCH
 Đinh Văn Hải